TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **36**/2019/HNGĐST
Ngày 21-6-2019
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

2. Bà **Lê Thị Kiều Nga**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2019/TLST–HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Tống Thị Kim G** – sn 1986 (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Phùng Ngọc H** – sn 1987 (vắng mặt lần 2, không lý do)

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Tống Thị Kim G trình bày:***

Chị và anh Phùng Ngọc H tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào ngày 28/10/2008. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ của anh H thuộc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang ngày 01/10/2010. Trước khi cưới, vợ chồng tìm hiểu

nhau trước khoảng 11 tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, anh H thường đi sớm về khuya, hay đi uống rượu, về đến nhà thì vợ chồng có lời qua tiếng lại, làm ảnh hưởng đến tinh thần của chị G và các con. Ngoài ra, anh H cũng không quan tâm đến cuộc sống của vợ con. Chị G đã khuyên can anh H nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi. Nay chị G nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng anh chị đã ly thân với nhau từ tháng 03 năm 2019 đến nay.

- Về quan hệ con chung: Chị G xác nhận vợ chồng có 02 con chung:

1. Phùng Ngọc Hải Y – sinh ngày 19/02/2010

2. Phùng Ngọc Hải A – sinh ngày 28/5/2012

Các cháu đã có giấy khai sinh và hiện đang sống chung với chị G.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị G yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị G yêu cầu được ly hôn với anh H.

- *Về quan hệ con chung:* Chị G yêu cầu được nuôi hai cháu Phùng Ngọc Hải Y – sinh ngày 19/02/2010 và Phùng Ngọc Hải A – sinh ngày 28/5/2012, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, bị đơn anh Phùng Ngọc H trình bày:***

Anh và chị Tống Thị Kim G tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào ngày 28/10/2008. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ của anh H thuộc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang ngày 01/10/2010. Trước khi cưới, vợ chồng tìm hiểu nhau trước khoảng 11 tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống vợ chồng đôi khi cũng phát sinh mâu thuẫn nhưng không đến mức nghiêm trọng, anh H vẫn còn thương vợ thương con, không muốn ly hôn. Vợ chồng anh chị đã ly thân với nhau từ tháng 03 năm 2019 đến nay.

- Về quan hệ con chung: Anh H xác nhận vợ chồng có 02 con chung:

1. Phùng Ngọc Hải Y – sinh ngày 19/02/2010

2. Phùng Ngọc Hải A – sinh ngày 28/5/2012

Các cháu đã có giấy khai sinh và hiện đang sống chung với mẹ.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Tòa án, anh H yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh H không đồng ý ly hôn với chị G.

- *Về quan hệ con chung:* Trong trường hợp Tòa án cho ly hôn thì anh H đồng ý giao hai cháu Phùng Ngọc Hải Y – sinh ngày 19/02/2010 và Phùng Ngọc Hải A – sinh ngày 28/5/2012 cho chị G nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Tống Thị Kim G được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp.

Anh Phùng Ngọc H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Phùng Ngọc H vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa chị G yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Phùng Ngọc H.

Xét yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Tống Thị Kim G, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy, chị Tống Thị Kim G và anh Phùng Ngọc H chung sống với nhau được Uỷ ban Nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 112/2010, quyển số 01/2010, ngày 01/10/2010 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị G: Trong quá trình vợ chồng anh chị chung sống thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong

cuộc sống, anh H thường đi sớm về khuya, hay đi uống rượu, về đến nhà thì vợ chồng có lời qua tiếng lại, làm ảnh hưởng đến tinh thần của chị G và các con. Ngoài ra, anh H cũng không quan tâm đến cuộc sống của vợ con. Chị G đã khuyên can anh H nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi. Mặt khác, chị G và anh H đã ly thân với nhau từ tháng 03 năm 2019 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng anh chị không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị G yêu cầu được ly hôn với anh H là có cơ sở chấp nhận.

[2] *Về quan hệ con chung:* Xét thấy, theo biên bản tiếp xúc, ghi nhận nguyện vọng của hai cháu Phùng Ngọc Hải Y và Ngọc Ngọc Hải A thì nguyện vọng của cả hai cháu Hải Y và Hải A là đều muốn được ở với mẹ là chị Tống Thị Kim G. Mặt khác, anh Phùng Ngọc H cũng thống nhất là trong trường hợp Tòa án cho ly hôn thì anh H đồng ý giao hai cháu Hải Y và Hải A cho chị G nuôi dưỡng. Do vậy, yêu cầu nuôi con của chị G là có căn cứ.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Tống Thị Kim G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Tống Thị Kim G và anh Phùng Ngọc H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Từ những nhận định trên, căn cứ vào Điều 55, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Tống Thị Kim G,

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tống Thị Kim G được ly hôn với anh Phùng Ngọc H.

Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Phùng Ngọc Hải Y – sinh ngày 19/02/2010 và cháu Phùng Ngọc Hải A – sinh ngày 28/5/2012 cho chị Tống Thị Kim G trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Phùng Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Tống Thị Kim G phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tống Thị Kim G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tống Thị Kim G ly hôn với anh Phùng Ngọc H.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Phùng Ngọc Hải Y – sinh ngày 19/02/2010 và cháu Phùng Ngọc Hải A – sinh ngày 28/5/2012 cho chị Tống Thị Kim G trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Phùng Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phùng Ngọc H được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Tống Thị Kim G phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005444 ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Phùng Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạo